

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20-10-2017

“V/v Ly hôn giữa chị T
và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Bùi Huy Xuân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Trúc T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 0, thôn S, xã S1, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bị đơn: Anh Võ Hữu T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 0, thôn X, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Chị T có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đặng Trúc T trình bày:

Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì chị T và anh T mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 19

tháng 3 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với gia đình chồng, khi chị T mang thai được 06 tháng thì giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng tính tình, lối sống không hợp nên thường xuyên cãi vã. Sau khi sống chung với gia đình chồng được khoảng 01 năm thì vợ chồng ra sống riêng trên nhà đất do cha mẹ chị T cho ở nhờ. Sau khi vợ chồng sống riêng thì mâu thuẫn vẫn tiếp tục phát sinh nên đến khoảng tháng 02 năm 2014 thì vợ chồng ly thân. Trong thời gian này thì chị T dẫn theo con lên thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống còn anh T dọn đồ đạc về nhà cha mẹ ruột để sống. Vì nghĩ thương con còn nhỏ nên khoảng đầu năm 2015 chị T trở về chung sống để mong vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng sống được khoảng 04 tháng thì vợ chồng vẫn thường xuyên cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc. Đến khoảng tháng 12-2016, chị T lại quay về sống chung nhưng trong thời gian này mỗi khi vợ chồng cãi vã thì anh T lại đánh chị T. Chị T nhận thấy quan hệ hôn nhân không cứu vãn được nên đến tháng 3-2017 thì quyết định ly thân cho đến nay. Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị T xin được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị T có nguyện vọng nuôi cháu Võ Đặng Mỹ A, sinh ngày 17-10-2012 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Đặng Mỹ A, sinh ngày 17-10-2012 cho chị T nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh T sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị T yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh T là xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Võ Hữu T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 3 năm 2012 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khi chị T mang thai được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng có lối sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Sau đó, vì không muốn gia đình đổ vỡ nên chị T đã nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả nên từ tháng 3-2017 thì vợ chồng ly thân. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị T, Tòa án đã triệu tập anh T để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh T vẫn không đến. Tòa án đã xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T tại địa phương nơi vợ chồng cư trú. Kết quả xác minh cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T là có thật. Hiện chị T và cháu A không sống chung với anh T. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 01 người con chung là Võ Đặng Mỹ A, sinh ngày 17-10-2012. Xét thấy, từ khi chị T và anh T ly thân thì cháu A do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và vẫn đảm bảo điều kiện mọi mặt cho cháu A nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Trúc T và anh Võ Hữu T.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Võ Đặng Mỹ A, sinh ngày 17-10-2012 cho chị Đặng Trúc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đặng Trúc T không yêu cầu anh Võ Hữu T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Võ Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Đặng Trúc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0005673 ngày 20 tháng 7 năm 2017; Chị T đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20-10-2017), chị Đặng Trúc T có quyền kháng cáo, đối với anh Võ Hữu T vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga